

Nghiên cứu hiệu quả của ghi âm bài nói có phản hồi đối với cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh

Trần Thị Ánh Tuyết*

*ThS, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Received: 13/01/2024; Accepted: 22/01/2024; Published: 5/2/2024

Abstract: This article reports an action study that emerged from the practice of teaching intermediate English classes with 20 students. The study aimed at investigating the effectiveness of English speech recording practice with feedback on improving learners' English speaking skills and their motivation to learn English. Recording practice was done after class hours, and students worked on 12 topics, one topic per week. For each topic, group partners gave feedback on recorded talks, and students might re-record after receiving feedback. The research instruments included two speaking tests comparing students' speaking skills before and after 12 weeks of intervention, questionnaires and interviews. The results indicated that the recording activity with feedback had positive impacts on improving students' speaking skills and students' motivation. Therefore, the results of the study can make an important contribution to the application of recording practice in foreign language learning and teaching.

Keywords: Speech recording, feedback, speaking skills

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, tiếng Anh được coi là một phương tiện giao tiếp toàn cầu với lượng người sử dụng rất lớn, bao gồm cả người bản xứ và không bản xứ. Để có thể trao đổi thông điệp, người sử dụng ngôn ngữ cần rèn luyện bốn kỹ năng gồm nghe, nói, đọc, viết, với nhóm kỹ năng tiếp nhận gồm nghe và đọc và nhóm kỹ năng sản sinh gồm nói và viết. Trong bốn kỹ năng cơ bản, nói được đánh giá là kỹ năng quan trọng nhất trong hội thoại (Koyak & Üstünel, 2019). Bởi vậy, việc phát triển kỹ năng nói luôn được chú trọng trong dạy học ngoại ngữ, và sự tiến bộ về kỹ năng nói sẽ luôn nhận được phản hồi tích cực từ học viên. Tuy nhiên, có khá nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói. Một số yếu tố tâm lý có thể bao gồm tính cách, động lực, sự tự tin; các yếu tố khác gồm phát âm, từ vựng. Ngoài ra, ở Việt Nam, nhiều người học không có môi trường luyện tập nói thường xuyên ngoài thời gian trên lớp, nên việc tạo môi trường và tạo cơ hội, duy trì sự rèn luyện cho học viên ngoài thời gian lớp học là vô cùng cần thiết để phát triển kỹ năng này.

Sự phát triển và phổ biến của thiết bị công nghệ và các ứng dụng cho phép người học tiếng Anh rèn luyện cả bốn kỹ năng ngoại ngữ (Koyak & Üstünel, 2019). Đặc biệt, về kỹ năng nói, học viên có thể ghi âm/ghi hình (audio recording/video recording) bài nói/hội thoại và hoạt động này có những lợi ích rất quan trọng cho học viên (Gromik, 2009). Trước hết, ghi âm/ghi hình kích lệ việc tự phản hồi của học viên vì học viên có thể nghe lại nhiều lần sau khi nói. Khi nghe lại, học

viên có thể đánh giá phát âm, từ vựng, sự trôi chảy, và nhận biết được những lỗi nhất định trong phần nói. Từ đó, học viên có thể ghi âm/ghi hình lại để đạt được bản ghi họ hài lòng nhất. Chính việc này giúp tăng cơ hội và duy trì sự luyện tập của người học. Ngoài ra, nếu bài nói được nhận xét bởi bạn cùng học, hoặc giáo viên, người học sẽ có động lực cải thiện chất lượng bài nói của mình (Lys, 2013; Gromik, 2015).

Với những lý do trên, nghiên cứu được thực hiện để cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên (SV). Trước khi thực hiện nghiên cứu, giáo viên giới thiệu dự án và cho SV lựa chọn ghi âm hoặc ghi hình và 100% SV chọn ghi âm. Một số lý do được SV đưa ra đó là: SV muốn được thoải mái nói về chủ đề và tập trung nhiều hơn vào giọng nói thay vì bị phân tán vào ngoại hình; SV muốn dung lượng của bản ghi nhẹ hơn để thuận tiện hơn khi tải bản ghi lên folder chung của lớp.

Hoạt động ghi âm được thực hiện trong 12 tuần. Mỗi tuần SV được giao nhiệm vụ ghi âm bài nói khoảng 2 phút về một chủ đề liên quan đến bài học trên lớp. SV làm việc theo nhóm 4-5 thành viên, mỗi nhóm có một nhóm trưởng theo dõi hoạt động và báo cáo hoạt động nhóm cho giáo viên. SV ghi âm cá nhân và nộp tệp âm thanh vào folder chung của lớp, sau đó sẽ nhận phản hồi về bài nói của bạn cùng nhóm. Sau khi nhận phản hồi, SV có thể ghi âm lại để cải thiện chất lượng bài nói và nộp bản ghi mới. Giáo viên thực hiện bài kiểm tra nói trước và sau 12 tuần can thiệp để so sánh sự tiến bộ của SV. Ngoài ra, giáo viên phát bảng câu hỏi và phỏng vấn SV để đánh giá hiệu quả của ghi âm đối

với kỹ năng nói và động lực học tập của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hướng dẫn ghi âm bài nói

Giáo viên hướng dẫn SV hoạt động ghi âm với với các lưu ý sau:

- Chuẩn bị trước khi ghi âm:

SV được khuyến khích dựng dàn ý, viết các ý chính sẽ triển khai về chủ đề và tập nói về chủ đề đó trước khi ghi âm.

- Công cụ ghi âm:

Công cụ ghi âm có thể là điện thoại, máy tính, máy tính bảng,... SV có thể sử dụng ứng dụng có sẵn ở các thiết bị này, hoặc truy cập website ghi âm trực tuyến như *online-voice-recorder.com*, *audiovoicerecorder.com*,... SV cần đảm bảo micro của thiết bị tốt để chất lượng âm thanh được tốt nhất có thể. Với máy tính, SV có thể dùng micro rời có chất lượng tốt để kết nối.

- Môi trường ghi âm:

SV chọn môi trường yên tĩnh, tránh tiếng ồn để tránh tạp âm vào bản ghi.

- Chỉnh sửa tệp âm thanh sau khi ghi âm:

SV được khuyến khích dùng các ứng dụng cắt, ghép, nối, lọc âm thanh (*audacity*,...) để chỉnh sửa bản ghi.

- Nghe lại và tự phản hồi:

SV nên nghe lại bản ghi, tự nhận xét và có thể ghi âm lại cho đến khi có bản ghi tốt nhất có thể.

2.2. Tiêu chí phản hồi về bài nói

SV nộp bản ghi vào folder của lớp và các cá nhân trong nhóm phản hồi chéo bài theo sự phân công của nhóm trưởng. Giáo viên hướng dẫn các tiêu chí phản hồi về bản ghi như sau:

- Tiêu chí phản hồi về kỹ năng nói:

SV phản hồi về kỹ năng nói dựa trên 4 tiêu chí: *Trôi chảy và mạch lạc*, *Từ vựng*, *Ngữ pháp*, *Phát âm*. SV được giới thiệu miêu tả năng lực các thang điểm cụ thể từ 1 đến 5, với 1 là thấp nhất và 5 là cao nhất. Điểm đánh giá chung là trung bình cộng của 4 tiêu chí này và làm tròn 0.5 điểm. Năng lực với điểm từ 1 đến 5 trên thang CEFR được phân bậc như sau: A1 (1 - 2.5), A2 (3.0 - 3.5), B1 (4.0 - 5.0).

- Tiêu chí phản hồi về chất lượng âm thanh:

SV đánh giá chất lượng âm thanh của bản ghi, có rõ ràng, có lẫn quá nhiều tạp âm ảnh hưởng đến âm thanh giọng nói hay không.

Kết quả của các bài kiểm tra nói trước và sau can thiệp

Bài kiểm tra nói trước và sau can thiệp là hai bài kiểm tra giống nhau về định dạng và khác nhau về nội dung chủ đề. SV được nhận chủ đề có gợi ý, được

chuẩn bị trong 1 phút trước khi nói và có tối đa 2 phút để nói về chủ đề. Giáo viên chấm điểm cho SV theo bản tiêu chí phản hồi về kỹ năng nói đã phổ biến với SV. Kết quả của các bài kiểm tra nói được trình bày ở bảng sau:

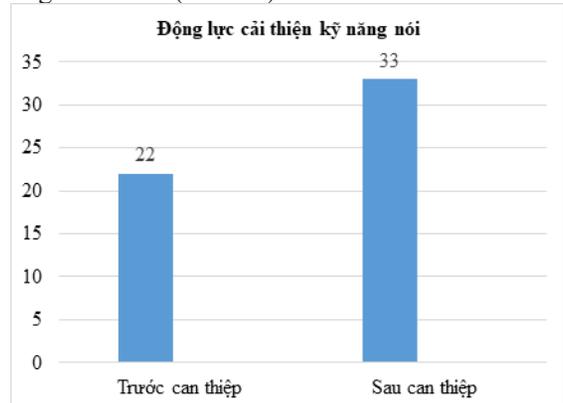
Bảng 1. Kết quả các bài kiểm tra nói trước và sau can thiệp

Giai đoạn	Điểm trung bình (Mean)	Điểm cao nhất (High)	Điểm thấp nhất (Low)	Độ lệch chuẩn (Standard Deviation)
Trước can thiệp	3.32	4.0	2.5	0.43
Sau can thiệp	4.30	5.0	4.0	0.34

Bảng 1 tóm tắt kết quả của bài kiểm tra nói trước và sau khi áp dụng hoạt động ghi âm trong 12 tuần, với số lượng SV trong lớp là 20 SV. Giáo viên chấm điểm từng cá nhân và lấy giá trị trung bình, điểm cao nhất, điểm thấp nhất và độ lệch chuẩn. So với trước can thiệp, điểm trung bình của SV tăng gần 1 điểm, cho thấy kỹ năng nói của SV đã được cải thiện. Điều này cũng thể hiện ở giá trị cao nhất và giá trị thấp nhất, trong đó giá trị thấp nhất tăng đáng kể với 1.5 điểm và giá trị cao nhất tăng 1 điểm. Độ lệch chuẩn sau can thiệp giảm 0,09, cho thấy sau can thiệp, SV có điểm nói đồng đều hơn.

2.3. Kết quả của bảng câu hỏi

Bảng câu hỏi được dùng để khảo sát động lực rèn luyện kỹ năng nói của SV trước và sau khi áp dụng hoạt động ghi âm. Có 8 tiêu mục được khoanh tròn từ 1 tới 5 điểm. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: mức độ tham gia của SV, mức độ tập trung vào nhiệm vụ, mức độ hứng thú, mức độ chú ý, mức độ cố gắng, mức độ quan tâm của SV, mức độ thử thách, mức độ phù hợp của hoạt động. Điểm cao nhất có thể đạt được là 40 ($8 \times 5 = 40$). 3 là điểm trung bình mục, và tổng điểm trung bình là 24 ($8 \times 3 = 24$).



Bảng 2. Động lực học tập của SV trước và sau hoạt động ghi âm

Bảng 2 thể hiện kết quả bảng câu hỏi về động lực để SV thực hành kỹ năng nói trước và sau hoạt động ghi âm. Trước can thiệp, kết quả bảng câu hỏi đạt 22 điểm và tăng 11 điểm sau can thiệp. Điều này cho thấy hoạt động ghi âm có phản hồi giúp SV có nhiều động lực hơn trong việc phát triển kỹ năng nói.

2.5. Kết quả của phỏng vấn

a) Lợi ích của hoạt động ghi âm

Tổng hợp kết quả phỏng vấn SV cũng cho thấy ghi âm giúp SV cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh và động lực rèn luyện tiếng Anh. Một số trích dẫn tiêu biểu từ các báo cáo như sau:

“Hoạt động ghi âm giúp em thực hành nhiều hơn về kỹ năng nói, vì em phải tập đi tập lại nhiều lần để nói tốt nhất có thể” (An).

“Nhận xét bản ghi âm của bạn giúp em học thêm từ vựng từ bài của bạn, và giúp em củng cố cấu trúc ngữ pháp. Ví dụ, có câu em cảm thấy đó là lỗi ngữ pháp, khi em muốn chắc chắn hơn về ngữ pháp đúng của câu đó em sẽ xem lại sách hoặc tìm trên mạng.” (Tuấn).

“Em thấy vui vì sau một khoảng thời gian tập luyện em thấy mình có thể nói trôi chảy hơn.” (Hà)

b) Vấn đề khi thực hiện hoạt động ghi âm

SV cũng đề cập một số khó khăn khi thực hiện hoạt động ghi âm. SV không gặp khó khăn về thiết bị hay kỹ thuật ghi âm, nhưng có những vấn đề nhất định liên quan đến kỹ năng nói, quản lý thời gian và nhận xét bài của bạn.

“Em cố gắng tập nhiều lần, tuy nhiên khi nghe lại em vẫn thấy mình nói chưa tốt, chưa hay. Em nói chưa thực sự trôi chảy và phát âm chưa tốt lắm. Thời gian đầu em cũng rất ngại khi chia sẻ bản ghi nói tiếng Anh chưa ổn lắm của mình; tuy nhiên dần dần em thấy các bạn cũng như mình nên em không ngại nữa.” (Lan Anh).

“Em nghĩ kỹ thuật và thiết bị ghi âm dễ thực hiện, vì chúng em đều có điện thoại thông minh và sử dụng luôn ứng dụng ghi âm của điện thoại. Em cũng dùng ứng dụng Audacity để cắt những đoạn âm thanh không cần thiết. Vấn đề của em đó là em nói chưa tốt lắm, nghe lại bản ghi thấy mình nói chưa hay nên em đôi khi ngại ghi âm giọng nói của mình. Tuy nhiên do được yêu cầu cần nộp bài nên em cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, và em thấy vì vậy mình cũng phải tập nói nhiều hơn.” (Dũng).

“Em nghĩ nhận xét bài của bạn giúp chúng em biết rằng chúng em nói đều chưa tốt lắm và cùng cải thiện. Em có thể nhận xét xem bạn nói trôi chảy ở mức nào, tuy nhiên về từ vựng ngữ pháp có thể em chưa nhận biết hết thể nào là tốt.” (Trang).

“Em có khá nhiều bài tập, trong khi để có bài

ghi âm khoảng 2 phút, em có thể phải dành cả giờ để chuẩn bị và thực hành. Đôi khi em không có đủ thời gian luyện tập nên bài ghi âm chưa được tốt lắm, nhưng do đến hạn nộp nên em cần nộp bài.” (Đạt).

c) Giải pháp:

Dựa trên các khó khăn và các vấn đề khi thực hiện ghi âm, SV gợi ý những giải pháp để cải thiện. Một số giải pháp tiêu biểu bao gồm cải thiện các kỹ năng tiếng Anh hơn nữa; quản lý thời gian tốt hơn để dành đủ thời gian luyện tập cho từng bản ghi.

“Chấn chấn em cần luyện tập phát âm nhiều hơn, cần nói trôi chảy hơn thì bản ghi nghe sẽ tốt hơn” (Hoa).

“Em sẽ viết kế hoạch các nhiệm vụ cần làm, để có đủ thời gian luyện tập cho ghi âm bài nói. Bản ghi nộp có thể chưa quá hay, nhưng em đã thấy rằng mình đã luyện tập nhiều.” (Đạt).

3. Kết luận

Qua việc phân tích dữ liệu thu được từ các bài kiểm tra nói, bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn SV, một số kết luận quan trọng được rút ra. Hoạt động ghi âm bài nói mang lại những lợi ích quan trọng khi phát triển kỹ năng nói: giúp SV cải thiện phát âm, trôi chảy, từ vựng, ngữ pháp. Ngoài ra, nhiệm vụ ghi âm bài nói cũng giúp SV duy trì sự rèn luyện thường xuyên, một yếu tố rất hữu ích khi phát triển kỹ năng nói. SV cũng nhận biết và giải thích các khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ để từ đó tìm ra hướng khắc phục cho những hoạt động ghi âm sau này. Giáo viên, với vai trò là người hướng dẫn, từ đó cũng có thêm những ý tưởng trong hướng dẫn chung, và hỗ trợ SV trong các hoạt động tương tự trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Gromik, N. (2009). *Producing cell phone video diaries. In Handbook of Research on Web 2.0 and Second Language Learning (pp. 259-273). IGI Global.*

2. Gromik, N. A. (2015). The effect of smartphone video camera as a tool to create digital stories for English learning purposes. *Journal of Education and Learning, 4(4)*, 64-79. Doi: 10.5539/jel.vn4n4p64

3. Lys, F. (2013). The development of advanced learner oral proficiency using iPads. *Language Learning & Technology, 17(3)*, 94-116. Retrieved from https://scholarspace.manoa.hawaii.edu/bitstream/10125/44341/17_03_lys.pdf

4. Koyak, Y., & Üstünel, E. (2019). Recorded Motivational Videos to Improve the Speaking Skills of Adult Learners. *Turkish Online Journal of English Language Teaching (TOJELT)*. 5(2), 79-98